TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** -----*****----	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 28/2019/HSST
Ngày: 29/03/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm phán.
- Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Kiểm sát viên.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký Toà án.

Hôm nay, ngày 29/3/2019, tại Trụ sở TAND huyện Khoái Châu mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2019/HSST, ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/ 2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo: **Trần Mạnh H**, sinh năm: 1989;
Nơi cư trú: thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Trần Văn A, sinh năm 1958 được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 có vợ là Lê Thị C, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2013.

- Tiền án: Ngày 24/3/2016, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày 24/3/2016 về tội "Trộm cắp tài sản".

H bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Khoái Châu (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Những người bị hại:***

1/ Anh Lê Đình D, sinh năm 1979;
2/ Chị Lê Thị E, sinh năm 1982.
Đều trú tại: Thôn X, xã Y, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt tại phiên tòa)

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Chị Lê Thị C, sinh năm 1988;
Trú tại: thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt tại phiên tòa).

****/ Những người làm chứng:***

1/ Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1980;
2/ Anh Nguyễn Đình Z, sinh năm 1989;
3/ Anh Lê Đình P, sinh năm 1990;
4/ Anh Lê Đình N, sinh năm 1984.

Đều trú tại: Thôn X, xã Y, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 30/10/2018, Trần Mạnh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen biển số 29P1-252.64 đi lang thang từ thành phố Hà Nội về huyện K xem ai có sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi qua gia đình anh Lê Đình D ở thôn X, xã Y, huyện K, thấy xung quanh không có ai, cửa nhà khóa bên ngoài, cạnh cửa nhà có một cột điện thuận lợi cho việc trèo vào ngôi nhà nên H dựng xe mô tô sát lề đường cách nhà anh D khoảng 10m rồi đi bộ về phía nhà anh D. H trèo lên cột điện rồi trèo lên mái tôn, trèo lên ban công tầng hai nhà anh D. H dùng hai tay giật mạnh cánh cửa ở tầng hai đi vào bên trong nhưng không thấy có tài sản gì nên đi cầu thang xuống tầng một rồi đi vào phòng ngủ phía bên phải cầu thang lục soát tủ quần áo nhưng không tìm được tài sản gì. H thấy ở góc bên phải phòng này có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Hòa Phát kích thước 0,83m x 0,56m x0,37m. Nghĩ trong két có tài sản giá trị nên H đi xuống bếp lấy 01 con dao bằng kim loại chuôi bằng gỗ dài khoảng 40cm rồi đi xuống nhà kho lấy 01 chiếc đục bằng kim loại dài khoảng 38cm, hình trụ tròn đường kính 02cm để phá chiếc két lấy tài sản trong két. H xoay mặt sau của chiếc két sắt ra phía cửa buồng và lấy 01 chiếc áo cộc tay trên giường ngủ quấn vào một đầu của chiếc đục. H ngồi cạnh chiếc két, tay trái cầm vào phần chuôi dao và kê phần mũi dao vào mặt sau của chiếc két, tay phải cầm một đầu chiếc đục đã được quấn chiếc áo rồi đập mạnh nhiều nhát vào phần sống dao để mũi dao đâm thủng mặt sau của chiếc két. H đục thủng chiếc két được 03 cạnh mỗi cạnh dài khoảng 10cm làm cát bên trong két chảy ra ngoài thì lúc này chị Lê Thị E (vợ anh D) mở cửa vào nhà. Nghe thấy tiếng động, H chạy lên tầng hai, leo xuống mái tôn rồi nhảy xuống đường bê tông thì bị quần chúng nhân dân bắt giữ báo Công an xã Y. Công an xã Y đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ của H 01 xe mô tô biển số 29P1-252.64, 01 điện thoại di động Iphone 5, 02 tờ giấy có chữ và số, 01 mũ bảo hiểm màu trắng xanh và số tiền 3.265.000đ. Công an xã Y đã bàn giao vụ việc cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu giải quyết theo thẩm Q. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ 01 con dao và 01 chiếc đục, đồng thời kiểm tra thống kê đồ vật tài sản trong két sắt gồm có: 01 chiếc ví da màu nâu đã cũ và số tiền là 110.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 140/KL-ĐG ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Khoái Châu kết luận: giá trị thiệt hại đối với chiếc két sắt của gia đình anh Lê Đình D tại thời điểm ngày 30/10/2018 là 583.000đ.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Blade biển số 29P1-252.64 quá trình điều tra xác định là tài sản chung vợ chồng bị cáo, chiếc điện thoại di động Iphone 5, 02 tờ giấy có chữ và số, chếc mũ bảo hiểm và số tiền 3.265.000đ là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Hiện nay Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu số tài sản trên và gửi số tiền vào tài khoản chờ xử lý tại Kho bạc huyện Khoái Châu.

Tại bản cáo trạng số: 35/QĐ-VKS - HS ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Trần Mạnh H về tội Trộm cắp tài sản (Chưa đạt) theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

Tại phiên toà hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo H như tại bản cáo trạng số 35/QĐ-VKS - HS ngày 07/3/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H phạm tội Trộm cắp tài sản (Chưa đạt); Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 15; khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 56; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52**;** khoản 3 Điều 57; khoản 5 Điều 65; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Chuyển 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 65/2016/HSPT, ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thành 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án buộc bị cáo phải thi hành. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2018, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam của bản án 65/2016/HSPT, ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa (Từ ngày 27/10/2015 đến ngày 24/3/2016) là 04 tháng 29 ngày.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H; Trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ - đen, có số khung RLHJA3608EY51836, số máy JA36E-115766 kèm theo đăng ký xe mang tên Lê Thị C số 072710 cấp ngày 30/09/2015, trả lại cho chị Lê Thị C, sinh năm 1988, trú tại: thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

Trả lại cho bị cáo H: số tiền 3.265.000đ; 01 mũ bảo hiểm màu xanh – trắng, 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng.

Tịch thu cho tiêu hủy: 02 tờ giấy có ghi chữ và số; 01 biển số 29P1-252.64; 01 thùng bìa catton niêm phong bên trong có 01 con dao bằng kim loại dài 40cm, 01 chiếc đục bằng kim loại có viền dạng xoắn và các gờ dài 38cm (Một đầu bẹt, một đầu được quấn bằng bằng mảnh vải đã rách).

[2] Bị cáo H nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội. Ngoài ra, bị cáo H còn trình bày chiếc xe của vợ chồng bị cáo có biển kiểm soát hợp pháp là 36B4-62349. Tuy nhiên chiếc biển này đã bị rơi mất nhưng H chưa xin cấp lại mà đi mua 01 chiếc biển kiểm soát mang số 29P1-252.64 của một người không biết tên, địa chỉ để gắn vào xe dùng tạm. Tại thời điểm H bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản nhà anh D, chị E thì chiếc xe bị cáo điều khiển đang gắn biển kiểm soát mang số29P1-252.64.

[3] Người liên quan chị Lê Thị C trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển số 29P1-252.64 màu đỏ - đen, có số khung RLHJA3608EY51836, số máy JA36E-115766 mà H dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày

30/10/2018 là tài sản chung vợ chồng, việc H dùng chiếc xe trên để làm phương tiện đi trộm cắp thì chị không biết. Vậy nên, chị đề nghị HĐXX tuyên trả cho chị toàn bộ chiếc xe trên để chị lấy phương tiện đi lại.

Ngoài ra, chị C còn trình bày sau khi phạm tội, bị cáo H cũng đã rất ăn năn, hối hận nên đã tác động đến chị C để chị C thay bị cáo tự nguyện bồi thường cho gia đình anh D, chị E số tiền là 4.500.000đ. Số tiền chị C bồi thường cho anh D, chị E là tiền thu nhập hàng tháng của chị C nhưng chị C không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho chị.

[4] Những người bị hại là anh D, chị E và mộ số người làm chứng là anh Nguyễn Đình Q, anh Nguyễn Đình Z, anh Lê Đình P, anh Lê Đình N đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] ***Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố***: Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, tại bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 18/KLĐT của Công an huyện Khoái Châu và Cáo trạng số 12/CT-VKSKC ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị Trần Mạnh H về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là chưa đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án. Nhưng, sai phạm trên đã được khắc phục tại bản cáo trạng số 35/QĐ-VKS - HS ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H đã thừa nhận sáng ngày 30/10/2018, bị cáo đã vào nhà anh Lê Đình D và chị Lê Thị E, trú tại thôn X, xã Y, huyện K, có hành vi đục két để lấy trộm tất cả tài sản bên trong két nhưng chưa lấy được tài sản thì bị phát hiện bắt quả tang. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; kết luận định giá;

lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của những người bị hại là anh Lê Đình D và chị Lê Thị E; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị C, lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Đình Q, anh Nguyễn Đình Z, anh Lê Đình P, anh Lê Đình N và tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng hơn 10 giờ ngày 30/10/2018, tại gia đình anh Lê Đình D và chị Lê Thị E, địa chỉ thôn X, xã Y, huyện K, tỉnh HưngYên, Trần Mạnh H đã dùng 01 chiếc đục bằng kim loại dài khoảng 38 cm, hình trụ tròn đường kính 2cm, 01 chiếc áo cộc tay quấn vào một đầu của chiếc đục và 01 con dao bằng kim loại chuôi bằng gỗ dài khoảng 40cm để đục phá két sắt của gia đình anh D, chị E tạo 01 lỗ thủng két có KT (0,23x0,18)m nhằm mục đích lấy tài sản trong két (Tài sản trong két được xác định là 110.000.000đ) nhưng chưa lấy được tài sản thì bị phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng người bị hại không có nhà, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã vào được trong nhà của bị hại, đã nhằm đến chiếc két và trên thực tế đã đục thủng được một lỗ thủng phía sau két KT (0,23x 0,18)m, nhưng chưa lấy được tài sản thì bị phát hiện bắt quả tang. Tất cả các lời khai của bị cáo đều thừa nhận nếu không bị phát hiện thì bị cáo tiếp tục đục phá két và lấy toàn bộ tài sản trong két. Qua kiểm tra, thống kê tài sản trong két đã xác định được tài sản mà H đang thực hiện hành vi trộm cắp là toàn bộ tài sản trong két có giá trị 110.000.000đ. Nên đã xác định được tội phạm mà H thực hiện chưa đạt thuộc điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trong cáo trạng số 35/CT-VKS-KC, ngày 07/3/2019 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]* Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:*** Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo đã đi từ địa phương này đến địa phương khác và ngang nhiên đột nhập vào gia đình bị hại, sau đó lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách táo tợn tại gia đình người bị hại giữa ban ngày. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, bất chấp tất cả, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Do đó cần phải áp dụng hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[4] ***Về tình tiết tăng nặng:*** Tại bản án hình sự phúc thẩm số 65/2016/HSPT ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (24/3/2016). Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình anh D, chị E vào ngày 30/10/2018 thì H chưa được xóa án tích đối với bản án trên. Nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình để chị Hiến – vợ bị cáo thay bị cáo bồi thường cho người bị hại. Người bị hại là anh D, chị E có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bố đẻ bị cáo là ông Trần Văn A đã có thành tích phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc được tặng thương Huân Chương chiến công hạng ba; Vợ bị cáo là chị Trần Thị C có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trình bày hoàn cảnh khó khăn, con của bị cáo bị khuyết tật nặng được chính quyền nơi cư trú xác nhận. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 (03 tiết) Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[6] Xét nhân thân: Bị cáo là thanh niên, có sức khỏe, có học thức nhưng lười lao động, đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày 24/3/2016, nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu D, rèn luyện bản thân, lại phạm tội do lỗi cố ý trong thời gian thử thách của bản án số 65/2016/HSPT, ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Nên lần phạm tội này cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản (Chưa đạt) nên khi lượng hình HĐXX sẽ áp dụng khoản 3 Điều 57 của BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt tương ứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Do bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách nên cần chuyển 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 65/2016/HSPT, ngày 24/3/2016 thành 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án buộc bị cáo phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của BLHS năm 2015. Thời hạn đã tạm giữ, tạm giam của bản án 65/2016/HSPT, ngày 24/3/2016 (Từ ngày 27/10/2015 đến ngày 24/3/2016) là 04 tháng 29 ngày được đối trừ khi bị cáo chấp hành hình phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lười lao động, con gái bị cáo bị khuyết tật nặng, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh D, chị E đã nhận bồi thường của gia đình bị cáo số tiền 4.500.000đ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản nào nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ - đen, có số khung RLHJA3608EY51836, số máy JA36E-115766 là tài sản chung của bị cáo và chị Lê Thị C. Bị cáo đã nảy sinh ý định và có mưu đồ dùng chiếc xe trên làm phương tiện đi lang thang xem có ai sơ hở thì trộm cắp, trong khi chị C hoàn toàn không biết mưu đồ của bị cáo. Do vậy, cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe nêu trên kèm theo đăng ký xe mang tên Lê Thị C số 072710 cấp ngày 30/09/2015, trả lại cho chị Lê Thị C, sinh năm 1988, trú tại: thôn 6, xã Đ,

huyện T, tỉnh Thanh Hóa ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đối với: Số tiền 3.265.000đ, 01 mũ bảo hiểm màu xanh – trắng, 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng là tài sản, đồ dùng cá nhân hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo H theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đối với 02 tờ giấy có ghi chữ và số không có giá trị, không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với 01 chiếc biển kiểm soát 29P1-252.64 được gắn trên chiếc xe Honda Blade màu đỏ - đen, có số khung RLHJA3608EY51836, số máy JA36E-115766 không phải là chiếc biển hợp pháp của chiếc xe nói trên, cũng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Đối với 01 thùng bìa catton niêm phong bên trong có 01 con dao bằng kim loại dài 40cm, 01 chiếc đục bằng kim loại có viền dạng xoắn và các gờ dài 38cm (Một đầu bẹt, một đầu được quấn bằng bằng mảnh vải đã rách) mặc dù là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng là tài sản hợp pháp của gia đình bị hại, nhưng anh D, chị E không có nhu cầu nhận lại, các công cụ, phương tiện trên cũng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ**:** Điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 15; khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 56; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57; khoản 5 Điều 65 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Mạnh H phạm tội Trộm cắp tài sản (Chưa đạt).

Xử Phạt: Bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Chưa đạt).

Chuyển 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 65/2016/HSPT, ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thành 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án buộc bị cáo phải thi hành là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam của bản án số 65/2016/HSPT, ngày 24/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa (Từ ngày 27/10/2015 đến ngày 24/3/2016) là 04 (Bốn) tháng 29 (Hai mươi chín) ngày. Bị cáo còn phải thi hành 05 (Năm) năm 01 (Một) tháng 01 (Một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015 và điểm a, c khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ - đen, có số khung RLHJA3608EY51836, số máy JA36E-115766 kèm theo đăng ký xe mang tên Lê Thị C số 072710 cấp ngày 30/09/2015; Trả lại cho chị Lê Thị C, sinh năm 1988, trú tại: thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ½ giá trị chiếc xe mô tô nói trên.

- Trả lại cho bị cáo H: Số tiền 3.265.000đ (Ba triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn đồng) hiện số tiền nêu trên đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành dân sự huyện K tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu; 01 mũ bảo hiểm màu xanh – trắng; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu trắng đã qua sử dụng.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc BKS 29P1-252.64; 02 tờ giấy có ghi chữ và số; 01 thùng bìa catton niêm phong bên trong có 01 con dao bằng kim loại dài 40cm; 01 chiếc đục bằng kim loại có viền dạng xoắn và các gờ dài 38cm (Một đầu bẹt, một đầu được quấn bằng bằng mảnh vải đã rách).

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSKC ngày 07/01/2019 của VKSND huyện Khoái Châu).

Riêng chiếc đăng ký xe mang tên Lê Thị C số 072710 cấp ngày 30/09/2015 Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu sẽ chuyển sang Chi cục thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo*:* Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2019). Những người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS K/C;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương